

Sách Đa-ni-ên - Số bốn mươi tám

Vén mở lời tiên tri: Ý nghĩa của khái tượng của Ha-ba-cúc, hai tấm bảng, và bí ẩn về của lễ hằng ngày trong việc giải nghĩa Kinh Thánh

Jeff Pippenger

2024-01-12

Sự gia tăng của sự hiểu biết được thể hiện qua khái tượng về sông Ulai chính là điều rút cuộc đã được chép trên hai tấm bảng của Ha-ba-cúc.

Đan xen với những lời tiên tri mà họ cho là áp dụng cho thời kỳ tái lâm lần thứ hai là những lời chỉ dẫn được điều chỉnh đặc biệt cho trạng thái bất định và hồi hộp chờ đợi của họ, khích lệ họ kiên nhẫn chờ đợi trong đức tin rằng những điều hiện còn mờ tối đối với sự hiểu biết của họ rồi đúng lúc sẽ được làm sáng tỏ.

Trong số những lời tiên tri ấy có lời trong Ha-ba-cúc 2:1-4: 'Ta sẽ đứng nơi trạm canh của ta, đặt mình trên tháp canh, và canh chừng để xem Ngài sẽ phán gì với ta, và ta sẽ đáp thế nào khi bị quở trách. Và Chúa đáp lời ta, phán rằng: Hãy viết khái tượng, ghi rõ ràng trên các bảng, để ai đọc có thể chạy. Vì khái tượng còn dành cho một kỳ đã định; đến cuối cùng nó sẽ nói ra, không dối trá. Dù chậm trễ, hãy đợi chờ; vì chắc chắn nó sẽ đến, sẽ không trì hoãn. Kia, kẻ kiêu ngạo thì lòng không ngay thẳng; nhưng người công chính sẽ sống bởi đức tin của mình.'

Ngay từ năm 1842, lời chỉ dẫn trong lời tiên tri này, "hãy chép khái tượng và ghi rõ ràng trên các bảng, để người đọc có thể chạy," đã gợi ý cho Charles Fitch chuẩn bị một biểu đồ tiên tri để minh họa các khái tượng của Đa-ni-ên và Khải Huyền. Việc công bố biểu đồ này được xem là sự ứng nghiệm mệnh lệnh do Ha-ba-cúc đưa ra. Tuy nhiên, lúc bấy giờ không ai nhận thấy rằng trong cùng lời tiên tri ấy cũng trình bày một sự chậm trễ bề ngoài trong việc ứng nghiệm khái tượng (một thời kỳ trì hoãn). Sau sự thất vọng, đoạn Kinh Thánh này trở nên rất có ý nghĩa: "Khái tượng còn chờ đến kỳ đã định; nhưng đến cuối cùng nó sẽ nói và không nói dối; dầu nó trì hoãn, hãy đợi nó, vì chắc chắn nó sẽ đến, không chậm trễ.... Người công chính sẽ sống bởi đức tin mình." Cuộc Đại Tranh Chiến, 391, 392.

Hai bảng của Ha-ba-cúc, về mặt tiên tri, là hai nhân chứng. Theo Kinh Thánh, hai nhân chứng phải được đưa lại với nhau để xác lập lẽ thật.

Nhưng nếu người ấy không chịu nghe người, thì hãy dẫn theo cùng người một hoặc hai người nữa, để nhờ lời của hai hoặc ba nhân chứng mà mọi điều được xác lập. Ma-thi-ơ 18:16.

Khi hai bảng của Ha-ba-cúc (các biểu đồ tiên phong năm 1843 và 1850) được chồng lên nhau, chúng xác nhận các lẽ thật vốn là những viên ngọc trong giấc mơ của Miller. Sai lầm năm 1843, được thể hiện trên bảng thứ nhất, khi được chồng lên bảng thứ hai, xác lập thời kỳ trì hoãn của khái tượng. Miller (người lính canh mang tính biểu tượng của thời kỳ lịch sử ấy) đã hỏi rằng trong giai đoạn tranh luận về lịch sử của mình, ông phải nói gì.

Tôi sẽ đứng nơi vọng gác của mình, lên tháp canh, và chờ xem Ngài sẽ nói gì với tôi, và tôi sẽ đáp thế nào khi bị quở trách. Ha-ba-cúc 2:1.

Chúa đã truyền cho Miller ghi lại khái tượng, và trong giấc mơ, ông đặt chiếc hộp chứa khái tượng lên một cái bàn ở giữa phòng mình.

Đức Giê-hô-va đáp lại ta và phán: Hãy chép khái tượng, ghi cho rõ trên các bảng, hầu cho ai đọc được thì chạy. Ha-ba-cúc 2:2.

Sau đó, các bảng xác định thời gian trì hoãn và sự thất vọng đầu tiên.

Vì khái tượng còn đợi đến kỳ đã định; đến cuối cùng nó sẽ ứng nghiệm, không hề dối trá. Dầu chậm trễ, hãy đợi chờ nó; vì chắc chắn nó sẽ đến, sẽ không trì hoãn. Ha-ba-cúc 2:3.

Quy trình thử nghiệm ba bước, do sự gia tăng của tri thức (những viên ngọc của Miller) tạo ra, sau đó được trình bày.

Kìa, linh hồn tự cao của người ấy không ngay thẳng trong người ấy; nhưng người công chính sẽ sống bởi đức tin mình. Ha-ba-cúc 2:4.

Hai hạng người thờ phượng sẽ được bày tỏ qua quá trình thử luyện được nói đến trong sách Đa-ni-ên đoạn mười hai.

Ngài phán: Hỡi Đa-ni-ên, hãy đi đường mình; vì những lời này đã được đóng lại và niêm phong cho đến thời kỳ cuối cùng. Nhiều người sẽ được tinh luyện, được làm cho trắng sạch và được thử luyện; nhưng kẻ ác sẽ cứ làm điều ác, chẳng ai trong bọn ác hiểu biết; còn người khôn ngoan thì sẽ hiểu. Đa-ni-ên 12:9, 10.

Những người khôn ngoan trong Đa-ni-ên là các trinh nữ khôn ngoan trong Ma-thi-ơ 25, những người được xưng công bình bởi đức tin; còn kẻ ác là những trinh nữ dại đã tự cao kiêu ngạo. Ở cuối giấc mơ của Miller, những viên ngọc tượng trưng cho dầu trong dụ ngôn mười trinh nữ, mà dầu ấy chính là sứ điệp.

Đức Chúa Trời bị xúc phạm khi chúng ta không tiếp nhận những thông điệp mà Ngài gửi cho chúng ta. Như vậy, chúng ta khước từ dòng dầu vàng mà Ngài muốn đổ vào linh hồn chúng ta để thông truyền đến những người ở trong bóng tối. Khi lời kêu gọi vang lên: “Kìa, chàng rể đến; hãy đi ra đón Ngài,” những người chưa nhận lãnh dầu thánh, chưa trân quý ân điển của Đấng Christ trong lòng, sẽ thấy, như các trinh nữ dại, rằng họ không sẵn sàng để gặp Chúa mình. Tự mình, họ không có khả năng để có được dầu, và đời sống của họ bị hủy hoại. Review and Herald, ngày 20 tháng 7, 1897.

Ánh sáng của những viên ngọc của Miller trong những ngày sau rốt sẽ sáng rực gấp mười lần, và cả con số mười lần ánh sáng đều là những biểu tượng của một cuộc thử nghiệm. Trong những ngày sau rốt, được tượng trưng trong phần kết của giấc mơ của Miller, ánh sáng của lễ thật được thể hiện trên các bảng của Habacúc sản sinh ra một sứ điệp thử nghiệm, mà trong dụ ngôn mười trinh nữ được trình bày như là sứ điệp của Tiếng Kêu Nửa Đêm. Quá trình thử nghiệm đó là sự lặp lại của quá trình thử nghiệm trong lịch sử Millerite, vì dụ ngôn mười trinh nữ được lặp lại đúng từng chi tiết trong những ngày sau rốt.

Tôi thường được nhắc đến dụ ngôn mười trinh nữ, trong đó năm người khôn ngoan, và năm người dại. Dụ ngôn này đã và sẽ được ứng nghiệm đúng từng chữ, vì nó có sự áp dụng đặc biệt

cho thời kỳ này, và, cũng như sứ điệp của thiên sứ thứ ba, đã được ứng nghiệm và sẽ tiếp tục là lẽ thật hiện tại cho đến lúc thời gian chấm dứt. Review and Herald, ngày 19 tháng 8 năm 1890.

Mười là biểu tượng của sự thử thách, và đến hết mười ngày, Đa-ni-ên và ba người trung tín trông hồng hào và đầy đặn hơn những người ăn theo chế độ ăn của Ba-by-lôn. Những kẻ kiêu ngạo được mô tả trong sách Ha-ba-cúc, sống theo sự tự phụ chứ không phải đức tin, đã mang lấy bản chất của Ba-by-lôn. Trong lịch sử Millerite họ trở thành những con gái của Ba-by-lôn, và trong Ha-ba-cúc, chính các đặc điểm tiên tri của chế độ giáo hoàng được dùng để nhận diện bản chất của những kẻ đã chọn không sống bởi đức tin.

Này, linh hồn kẻ kiêu căng chẳng ngay thẳng trong nó; nhưng người công chính sẽ sống bởi đức tin mình. Lại nữa, vì rượu mà nó phạm tội, nó là kẻ kiêu ngạo, chẳng ở yên tại nhà, nói rộng lòng tham muốn của mình như Âm phủ, và như sự chết, chẳng hề được thỏa mãn; nhưng nhóm góp mọi nước về cho mình, gom hết các dân cho mình: Há chẳng phải hết thảy những kẻ ấy sẽ cất lên lời châm biếm nghịch cùng nó, và câu tục ngữ nhạo báng nó, mà nói rằng: Khốn thay cho kẻ làm tăng thêm điều không thuộc về mình! đến bao giờ? và cho kẻ chất nặng mình bằng bùn dày! Há chẳng phải những kẻ sẽ cản người sẽ thành linh chỗi dậy sao, và những kẻ sẽ làm rối loạn người sẽ thức dậy sao, và người sẽ là của cướp cho chúng sao? Vì người đã cướp bóc nhiều nước, nên mọi kẻ sống sót trong các dân sẽ cướp bóc người; vì huyết người, và vì sự bạo lực đối với đất, đối với thành, và đối với mọi kẻ ở trong đó. Ha-ba-cúc 2:4-8.

Quá trình thử thách giáng đến trên các trinh nữ trong Ma-thi-ơ 25 tạo nên một tầng lớp người thờ phượng, những người đã mang lấy bản chất của vua phương bắc (giáo hoàng quyền), cũng là quyền lực đã “cướp bóc nhiều dân tộc”. Chính giáo hoàng quyền bị cản bắt ngờ, như Giê-sa-bê đã bị chó ăn thịt.

Chúa phán như vậy: Kìa, có một dân từ miền bắc đến, và một nước lớn sẽ dấy lên từ các nơi tận cùng của đất. Chúng nắm chắc cung và giáo; chúng tàn bạo, chẳng chút thương xót; tiếng của chúng gầm thét như biển; chúng cuội ngựa, dàn trận như những người ra trận để đánh người, hỡi con gái Si-ôn. Chúng ta đã nghe tiếng về chúng; tay chúng ta bủn rủn; nỗi quặn đau đã chiếm lấy chúng ta, cơn đau như đàn bà đang chuyển dạ. Chớ ra ngoài đồng, cũng chớ đi trên đường; vì gươm của quân thù và nỗi kinh hoàng ở khắp mọi phía. Hỡi con gái của dân ta, hãy thất lưng bằng bao gai, và lăn mình trong tro bụi; hãy để tang như để tang đứa con trai một, than khóc thật cay đắng; vì kẻ tàn phá sẽ thành linh ập đến trên chúng ta. Giê-rê-mi 6:22-26.

Theo Ha-ba-cúc, có hai hạng người: những kẻ được xưng công bình bởi đức tin, và những kẻ đã ăn uống các giáo lý của Ba-by-lôn. Những người trong những ngày rớt của giấc mơ của Miller, được mô tả như các trinh nữ, hoặc phát triển tính cách của Đấng Christ, nhờ đó nhận lấy ấn của Đức Chúa Trời; hoặc họ phát triển bản chất của giáo quyền La Mã và nhận lấy dấu của con thú.

Đã đến lúc ánh sáng chân thật chiếu rọi giữa bóng tối đạo đức. Sứ điệp của thiên sứ thứ ba đã được sai đến với thế gian, cảnh báo loài người đừng nhận dấu của con thú hay của hình tượng nó trên trán hoặc trên tay họ. Nhận lấy dấu này có nghĩa là đi đến cùng một quyết định như con thú đã làm và bênh vực cùng những quan điểm ấy, trực tiếp đối nghịch với Lời Đức Chúa Trời. Về tất cả những ai nhận dấu này, Đức Chúa Trời phán: “Kẻ ấy cũng sẽ uống rượu thanh nộ của Đức Chúa Trời, là thứ rượu đã rót không pha vào chén thanh nộ Ngài; và người sẽ bị lừa và

diêm sinh hành hạ trước mặt các thiên sứ thánh và trước mặt Chiên Con.” Review and Herald, ngày 13 tháng 7 năm 1897.

Những trinh nữ uống rượu của Ba-by-lôn rốt cuộc sẽ phải uống rượu thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Trong sách Ê-sai, những kẻ say rượu của Ê-phra-im bộc lộ cơn say mù quáng của họ bằng cách đảo lộn mọi sự, và hành động đó được coi là "đất sét của thợ gốm".

Việc coi "the daily" là một biểu tượng của Đấng Christ đã đảo ngược lẽ thật về "the daily", vì "the daily" là một biểu tượng của Sa-tan. Việc Miller xác định "the daily" là ngoại giáo được thể hiện trực tiếp trên các bảng của Ha-ba-cúc. Khám phá của Miller về đoạn trong Tê-sa-lô-ni-ca, đoạn giúp ông hiểu rằng điều bị "cất đi" chính là ngoại giáo, để "người tội ác" ngồi trong đền thờ của Đức Chúa Trời được bày tỏ, chính là lẽ thật chủ yếu nằm trong Tê-sa-lô-ni-ca thứ nhì, chương hai.

“Tôi đọc tiếp và không thể tìm thấy trường hợp nào khác trong đó nó [the daily] được nhắc đến, ngoài trong Daniel. Sau đó [với sự trợ giúp của một bảng tra cứu], tôi tra những từ đứng liên hệ với nó, ‘cất đi,’ ‘người sẽ cất đi the daily,’ ‘từ lúc the daily sẽ bị cất đi,’ v.v. Tôi đọc tiếp và nghĩ rằng mình sẽ không tìm được ánh sáng nào cho đoạn văn; cuối cùng tôi đến 2 Thessalonians 2:7, 8. ‘Vì điều mầu nhiệm của sự gian ác hiện đã hoạt động; chỉ có người hiện đang ngăn trở sẽ còn ngăn trở, cho đến khi người ấy bị dời đi, và bấy giờ kẻ ác kia sẽ được tỏ ra,’ v.v. Và khi tôi đến câu ấy, ôi, lẽ thật hiện ra rõ ràng và vinh hiển biết bao! Đó rồi! Đó chính là the daily! Vậy bây giờ, Phao-lô muốn nói gì bởi ‘người hiện đang ngăn trở,’ hay là người cản trở? Bởi ‘con người tội ác’ và ‘kẻ ác,’ người ta muốn nói đến Chủ nghĩa Giáo hoàng. Vậy, điều gì ngăn Chủ nghĩa Giáo hoàng khỏi được bày tỏ? Ấy là Ngoại giáo; vậy thì, ‘the daily’ hẳn phải có nghĩa là Ngoại giáo.” - William Miller, Second Advent Manual, trang 66. Advent Review and Sabbath Herald, January 6, 1853.

Ý nghĩa của “the daily” trong Tê-sa-lô-ni-ca, mà Miller đã khám phá, là lẽ thật chủ yếu của đoạn văn. Khi Phao-lô xác định những người không yêu mến lẽ thật và vì thế sẽ nhận lấy sự mê lầm mạnh mẽ, ông chắc chắn đang chỉ ra sự thù ghét lẽ thật theo nghĩa chung; nhưng lẽ thật được nêu trực tiếp trong đoạn ấy là lẽ thật rằng “the daily” đại diện cho La Mã ngoại giáo.

Đèn của thân thể là con mắt; vậy nếu mắt người tốt lành, thì cả thân thể người sẽ đầy ánh sáng. Nhưng nếu mắt người xấu, thì cả thân thể người sẽ đầy tối tăm. Vậy, nếu sự sáng ở trong người trở nên tối tăm, thì sự tối tăm ấy lớn là dường nào! Không ai có thể làm tôi hai chủ: vì hoặc sẽ ghét người này mà yêu người kia; hoặc sẽ gắn bó với người này mà khinh dể người kia. Các người không thể phục vụ Đức Chúa Trời và Ma-môn. Ma-thi-ơ 6:22-24.

Chỉ có yêu lẽ thật, hoặc ghét lẽ thật. Không có con đường trung dung. Sự mê lầm mạnh mẽ đến trên các trinh nữ đại trong Ma-thi-ơ 25 dựa trên việc họ khước từ ánh sáng của những viên ngọc quý của Miller, vốn tượng trưng cho thử thách cuối cùng. Sự thử thách cuối cùng của Y-sơ-ra-ên xưa là thử thách thứ mười của họ, và các viên ngọc của Miller chiếu sáng gấp mười lần trong thời kỳ sau rốt. Biểu tượng cho sự khước từ các viên ngọc của Miller là “the daily”, điều mà những kẻ say sưa của Êp-ra-im đã lật ngược trong thế hệ thứ ba của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm. “The daily” là một biểu tượng của ngoại giáo thuộc về Sa-tan. Những kẻ say sưa ấy đã đưa vào một viên ngọc giả mạo, mà họ mang từ nền Tin Lành bội đạo, vốn xem “the daily” là một biểu tượng của

Đấng Christ.

Sự hiểu biết của Miller về những viên ngọc quý của ông bị giới hạn bởi bối cảnh lịch sử trong đó ông lớn lên. Vì tin chắc rằng Sự Tái Lâm là sự kiện tiên tri kế tiếp, vết thương chí tử của giáo hoàng chế vào năm 1798 chỉ có thể tượng trưng cho vương quốc trần thế thứ tư và cuối cùng trong Đa-ni-ên đoạn hai. Miller cũng bị giới hạn trong sự hiểu biết về “the daily”, vì lời làm chứng của ông là rằng qua sự khảo thị ông đã được dẫn dắt đến một phương pháp học tập cụ thể, trong đó ông nói rằng ông dùng Kinh Thánh của mình, Cruden's Concordance và đọc một số tờ báo. Quyết định học theo cách đó đơn giản đã nảy ra trong đầu ông.

Trong mười hai năm tôi theo thuyết Thần luận tự nhiên, tôi đã đọc mọi sách lịch sử tôi có thể tìm được; nhưng bây giờ tôi yêu Kinh Thánh; nó dạy về Giê-su! Nhưng vẫn có nhiều phần của Kinh Thánh tối nghĩa đối với tôi. Vào năm 1818 hoặc 1819, khi trò chuyện với một người bạn mà tôi đến thăm, và người ấy đã biết và từng nghe tôi nói chuyện khi tôi còn là một người theo thuyết Thần luận tự nhiên, anh ấy hỏi, với giọng đầy ảm ý: “Anh nghĩ gì về đoạn này, đoạn kia?”, ám chỉ những đoạn Kinh Thánh mà trước kia tôi từng phản đối khi còn theo thuyết đó. Tôi hiểu ý anh ấy và đáp: “Nếu anh cho tôi thời gian, tôi sẽ nói cho anh biết chúng có nghĩa là gì.” “Anh cần bao lâu?” “Tôi không biết, nhưng tôi sẽ nói cho anh biết,” tôi đáp, vì tôi không thể tin rằng Đức Chúa Trời đã ban một sự mặc khải mà không thể hiểu được. Vậy nên tôi quyết tâm học Kinh Thánh của mình, tin rằng mình có thể tìm ra ý nghĩa mà Đức Thánh Linh muốn truyền đạt. Nhưng ngay khi đã định như thế, một ý nghĩ đến với tôi: “Giả sử anh gặp một đoạn không thể hiểu được, anh sẽ làm gì?” Bây giờ một phương pháp học Kinh Thánh nảy ra trong trí tôi: tôi sẽ lấy các từ ngữ của những đoạn như vậy, lần theo chúng khắp Kinh Thánh, và theo cách ấy tìm ra ý nghĩa của chúng. Tôi có Cruden's Concordance, mà tôi cho là cuốn tốt nhất trên đời; vì thế tôi lấy nó và Kinh Thánh của mình, ngồi vào bàn, và không đọc gì khác, chỉ xem báo chí một chút, vì tôi quyết tâm biết Kinh Thánh của mình có ý nghĩa gì. Apollos Hale, *The Second Advent Manual*, 65.

Những viên ngọc của Miller không chỉ đơn thuần được nhận ra nhờ phương pháp nghiên cứu của ông, mà còn bởi sự mặc khải trực tiếp từ Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời sai thiên sứ của Ngài cảm động lòng của một người nông dân vốn không tin Kinh Thánh, để dẫn ông tìm hiểu các lời tiên tri. Các thiên sứ của Đức Chúa Trời nhiều lần thăm viếng người được chọn ấy, để hướng dẫn tâm trí ông và mở ra cho sự hiểu biết của ông những lời tiên tri xưa nay vẫn tối tăm đối với dân sự của Đức Chúa Trời. Mắt xích đầu tiên của chuỗi lễ thật được ban cho ông, và ông được dẫn dắt tìm kiếm hết mắt xích này đến mắt xích khác, cho đến khi ông ngắm nhìn Lời Đức Chúa Trời với sự kinh ngạc và thán phục. Ông thấy ở đó một chuỗi lễ thật hoàn chỉnh. Lời ấy, mà trước kia ông xem là không được linh hứng, nay mở ra trước mắt ông trong vẻ đẹp và vinh quang của nó. Ông thấy rằng phần này của Kinh Thánh giải thích phần kia; và khi một đoạn nào đó khép kín đối với sự hiểu biết của ông, ông lại tìm thấy ở phần khác của Lời điều giải thích nó. Ông trân trọng Lời thánh của Đức Chúa Trời với niềm vui mừng cùng lòng tôn kính và kính sợ sâu xa nhất. *Early Writings*, 230.

Khi Bà White nói rằng “Đức Chúa Trời sai Thiên sứ của Ngài” đến với Miller, điều đó xác định rằng Gabriel là thiên sứ được sai đến với Miller, vì “Thiên sứ của Ngài” là cách gọi dành cho

Gabriel.

Lời của thiên sứ: “Ta là Gáp-ri-ên, kẻ đứng trước mặt Đức Chúa Trời,” cho thấy rằng ông giữ một địa vị cao trọng trong các triều đình trên trời. Khi ông đến với một sứ điệp cho Đa-ni-ên, ông nói: “Chẳng có ai hiệp với ta trong những việc này, ngoại trừ Mi-ca-ên [Đấng Christ], thủ lãnh của các người.” Đa-ni-ên 10:21. Về Gáp-ri-ên, Đấng Cứu Chúa phán trong sách Khải Huyền, rằng “Ngài đã sai thiên sứ của Ngài đến để bày tỏ điều ấy cho đầy tớ Ngài là Giảng.” Khải Huyền 1:1. Khát vọng các thời đại, 99.

Gabriel và các thiên sứ khác đã được sai đến để dẫn dắt tâm trí của Miller và “mở ra cho sự hiểu biết của ông những lời tiên tri vốn từ trước đến nay vẫn tối tăm đối với dân của Đức Chúa Trời.” Sứ điệp của ông không chỉ được hình thành qua phương pháp nghiên cứu của ông, mà còn bởi sự mặc khải thiên thượng. Chính phương pháp ông dùng để nghiên cứu Kinh Thánh đã đến với tâm trí ông. Khi Đức Chúa Trời đem lẽ thật đến với tâm trí chúng ta, đó là sự mặc khải thiên thượng, trái ngược với việc đạt đến lẽ thật qua tiến trình giải nghĩa đúng đắn Kinh Thánh. Miller đã làm cả hai, nhưng sự mặc khải thiên thượng phải là một phần trong cách Miller hiểu về chủ đề “the daily.”

Miller đã không thể nhận ra sự luân phiên về giống ngữ pháp trong Daniel chương 8, câu 9 đến 12, vì tất cả những gì ông có chỉ là Kinh Thánh và một bảng tra cứu hoàn toàn không có thông tin nào liên quan đến các ngôn ngữ Kinh Thánh. Ông đã không thấy sự phân biệt giữa “sur” và “rum”, cả hai đều được dịch là “lấy đi”. Ông cũng đã không thấy sự phân biệt giữa “miqdash” và “qodesh”, cả hai đều được dịch là “đền thánh”.

Ông đã không nhìn thấy sự thật về từ “tamid” vốn xuất hiện một trăm lẻ bốn lần trong Kinh Thánh. Sự thật mà ông không thể thấy (cũng chính là sự thật mà ông đã thấy) là: trong một trăm lẻ bốn lần từ tiếng Do Thái “tamid” được dùng trong Kinh Thánh, chỉ trong sách Đa-ni-ên từ “tamid” mới được dùng như một danh từ. “Tamid” là từ tiếng Do Thái có nghĩa là “liên tục”, và được dịch là “the daily” trong sách Đa-ni-ên.

Chỉ trong sách Đa-ni-ên từ ấy mới được dùng như một danh từ, còn chín mươi chín lần còn lại nó được dùng như một trạng từ. Vì lý do này, khi các dịch giả của Bản Kinh Thánh King James đối diện với việc Đa-ni-ên dùng từ ấy năm lần như một danh từ, trong khi tất cả các tác giả khác của Kinh Thánh dùng từ ấy chín mươi chín lần như một trạng từ, họ đã buộc phải, bởi sức nặng của bằng chứng, sửa cách Đa-ni-ên dùng từ ấy như một danh từ. Để sửa Đa-ni-ên, họ đã thêm từ "sacrifice" vào từ ấy, và như vậy biến một danh từ thành một trạng từ. Và rồi, để sửa các dịch giả, Ellen White đã được cảm thúc ghi lại rằng bà, "saw in relation to the 'Daily,' that the word 'sacrifice' was supplied by man's wisdom, and does not belong to the text; and that the Lord gave the correct view of it to those who gave the judgment hour cry."

Miller, theo chính lời chứng của mình, đã tìm cách hiểu “the daily”, điều mà sau cùng ông đã hiểu ra trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca. Nhưng cũng theo lời chứng của ông, khi tìm hiểu ý nghĩa của một từ, ông sẽ xem xét mọi chỗ từ ấy được dùng, và từ đó còn được dùng thêm chín mươi chín lần khác trong Kinh Thánh. Thế nhưng lời chứng của ông về “the daily” là ông không thấy nó ở đâu khác ngoài trong sách Đa-ni-ên, khi ông nói: “Tôi đọc tiếp và không thể tìm thấy trường hợp nào khác mà [the daily] xuất hiện, ngoại trừ trong sách Đa-ni-ên.” Miller được dẫn dắt đến những viên ngọc quý

không chỉ bởi phương pháp nghiên cứu của mình, mà còn bởi sự mặc khải thiêng liêng đã được ban cho ông qua chức vụ của các thiên sứ.

Đó là lý do vì sao sự hiểu biết của ông về “the daily” là đúng, nhưng còn hạn chế. Ông đã không nhận ra rằng, trong năm lần “the daily” được nhắc đến trong sách Đa-ni-ên, thì trong ba lần “the daily” bị “cất đi”, có một lần mang ý nghĩa khác với hai lần còn lại. Một lần “the daily” được dùng với từ tiếng Hê-bơ-ơ “rum”, và hai lần còn lại được dùng với từ tiếng Hê-bơ-ơ “sur”. Cả hai từ đều được dịch là “cất đi”, nhưng “rum” trong Đa-ni-ên chương tám, câu mười một có nghĩa là “nâng lên và tôn cao”, còn trong chương mười một, câu ba mươi một, và chương mười hai, câu mười một, từ “sur” có nghĩa là “loại bỏ”.

Những nhà thần học ăn uống theo chế độ Babylon lập luận rằng, dù bạn loại bỏ một vật hay mỗi khi bạn nhắc một vật lên, thì cả hai đều biểu thị một dạng cất bỏ; vì thế, cả hai từ phải được hiểu là có cùng ý nghĩa. Họ lập luận rằng ba lần “the daily” bị “taken away” thì luôn có nghĩa là loại bỏ, và khi làm như vậy, họ cho rằng Daniel đã cầu thả trong việc chọn từ. Họ không nói thẳng điều đó, nhưng bằng suy luận họ dạy rằng Daniel lẽ ra phải dùng từ “sur” trong cả ba lần, vì theo các nhà thần học, ông được cho là đã muốn nói cùng một điều mỗi lần “the daily” bị “taken away”.

Họ cũng làm điều tương tự với các từ "miqdash" và "qodesh", vốn đều được dịch là "đền thánh", trong các câu 11 đến 14 của chương 8. Trong mỗi lần "đền thánh" được nhắc đến trong bốn câu ấy, họ khẳng định cho rằng tất cả đều chỉ về đền thánh của Đức Chúa Trời. Theo suy luận, lẽ ra Đa-ni-ên chỉ nên dùng "qodesh" trong cả ba lần nhắc đến, chứ không dùng "miqdash" ở câu 11. Miller không nhận ra sự khác biệt giữa những từ đó, nhưng các nhà thần học hiện đại thì có, và khi họ nhận ra, họ lại khẳng định rằng không nên thừa nhận bất kỳ sự khác biệt nào. Thế nhưng Miller, người không nhận ra sự khác biệt giữa các từ ấy, lại đi đến một cách hiểu trái ngược với các nhà thần học hiện đại.

Thực tế là Đa-ni-ên là một người viết cực kỳ cẩn trọng, thông thạo tiếng Hê-bơ-ơ và được đánh giá là thông minh gấp mười lần tất cả các nhà hiền triết khác của Ba-by-lôn, những người vốn dĩ cũng rất thông minh trong xã hội của họ. Nếu có ai biết cách sử dụng đúng đắn tiếng Hê-bơ-ơ và cách nó cần được trình bày chính xác trong bối cảnh lịch sử cụ thể ấy, thì đó chính là Đa-ni-ên. Nếu Đa-ni-ên dùng những từ khác nhau, ấy là vì chúng nhằm truyền đạt những ý nghĩa khác nhau, điều mà ông cố ý muốn thể hiện. Khi thừa nhận cách Đa-ni-ên sử dụng khác biệt các từ được dịch là "đền thánh" hoặc "cất bỏ", những cách dùng ấy củng cố cách hiểu của Miller về "the daily", điều mà Miller đã nhận ra ngay trong chính đoạn văn nơi Phao-lô chỉ ra rằng những ai ghét lẽ thật sẽ bị định cho nhận lấy sự mê lầm mạnh mẽ.

Những kẻ ghét lẽ thật và tin vào lời dối trá gây nên sự mê lầm mạnh mẽ cũng được mô tả như những kẻ say rượu của Ephraim, được chia thành hai hạng. Một hạng là tầng lớp lãnh đạo có học, và hạng kia là giáo dân thiếu học, chỉ chịu nghe điều mà giới có học dạy họ. Họ là những kẻ núp dưới những lời dối trá và lập giao ước với sự chết. Họ là những kẻ có linh hồn tự cao trong Habakkuk 2, và họ là những trinh nữ dại của Matthew 25. Họ là những kẻ khước từ các lẽ thật nên tảng trong giấc mơ của Miller, những lẽ thật chiếu sáng gấp mười lần vào thời cuối cùng (tượng trưng cho kỳ thử thách thứ mười và cuối cùng dành cho Israel hiện đại), như được điển hình bởi kỳ

thử thách thứ mười và cuối cùng của Israel xưa.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu này trong bài viết tiếp theo.

Và Chúa phán với Môi-se: Dân này sẽ chọc giận Ta cho đến bao giờ? Và đến bao giờ họ mới tin Ta, sau tất cả các dấu lạ Ta đã tỏ ra giữa họ? Ta sẽ đánh phạt họ bằng dịch bệnh, loại họ khỏi cơ nghiệp, và sẽ làm từ người một dân lớn hơn và mạnh hơn họ. Môi-se thưa với Chúa: Bây giờ người Ai Cập sẽ nghe điều đó (vì Ngài đã dùng quyền năng của Ngài đem dân này ra khỏi họ); và họ sẽ thuật lại cho cư dân của đất này, vì họ đã nghe rằng Ngài, là Chúa, ở giữa dân này; rằng Ngài được thấy mặt đối mặt; rằng mây của Ngài ở trên họ; và rằng Ngài đi trước họ, ban ngày trong trụ mây, ban đêm trong trụ lửa. Giờ, nếu Ngài giết hết dân này như một người, thì các dân đã nghe danh Ngài sẽ nói rằng: Bởi Chúa không thể đem dân này vào đất mà Ngài đã thề ban cho họ, nên Ngài đã giết họ trong đồng vắng. Và bây giờ, con nài xin Ngài, xin cho quyền năng của Chúa của con được lớn lao, theo như Ngài đã phán rằng: Chúa chậm nóng giận và đầy lòng thương xót, tha sự gian ác và sự vi phạm, nhưng chẳng coi kẻ có tội là vô tội, phạt sự gian ác của cha trên con cháu đến ba bốn đời. Con nài xin Ngài tha sự gian ác của dân này theo sự lớn lao của lòng thương xót Ngài, như Ngài đã tha cho dân này, từ Ai Cập cho đến nay. Chúa phán: Ta đã tha theo lời người. Nhưng thật như Ta hằng sống, khắp đất sẽ đầy dẫy vinh quang của Chúa. Bởi tất cả những người đã thấy vinh quang Ta và các phép lạ Ta đã làm tại Ai Cập và trong đồng vắng, mà nay đã thử Ta mười lần và không nghe tiếng Ta; chắc chắn họ sẽ không thấy đất mà Ta đã thề ban cho tổ phụ họ; chẳng một ai trong những kẻ đã chọc giận Ta sẽ thấy nó. Nhưng tôi tớ Ta là Ca-lép, vì người có một tâm thần khác và đã hết lòng theo Ta, thì Ta sẽ đem người vào đất mà người đã đi đến; và dòng dõi người sẽ chiếm hữu nó. Dân-số Ký 14:11-24.